TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **109**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20-7-2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Phương Hạnh

2. Ông Lê Trung Nam

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Ngọc –Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Như Điểm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 308/2026/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2026 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân H, sinh ngày 12/3/1985
CCCD: 040085001261 cấp ngày 19/3/2025
Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)
- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh ngày 16/6/1987
CCCD: 040187011432 cấp ngày 21/3/2022
Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị P tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (nay là xã V, tỉnh Nghệ An) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 24/2010, quyển số 01/2010 ngày 24/02/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu

thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi vã.

Hiện vợ chồng vẫn còn chung sống nhưng không còn quan tâm đến nhau, ông H xác định không còn tình cảm với bà P, mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hòa giải, không muốn tiếp tục chung sống với bà P nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà P.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông và bà Nguyễn Thị P có 02 con chung tên Nguyễn Tiến H1, sinh ngày 29/8/2010 và Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 05/5/2022. Sau ly hôn, ông H đề nghị Tòa án giao hai con chung cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông H không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Xuân H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa: Ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà P. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), giáo cháu V cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông H không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con, ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu V số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng bắt đầu từ tháng 7/2026 cho đến khi cháu V trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Phương trình B:

Về quá trình chung sống, kết hôn và mâu thuẫn, bà P đồng ý với phần trình bày của ông Nguyễn Xuân H. Bà xác định vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã và không tôn trọng nhau. Đến thời điểm hiện nay giữa bà và ông H không còn tình cảm, tuy nhiên do giữa bà và ông H chưa phân chia xong tài sản chung nên bà không đồng ý thuận tình ly hôn với ông H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà xác định giữa bà và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Tiến H1, sinh ngày 29/8/2010 và Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 05/5/2022.

Tại các buổi hòa giải tại Tòa án, bà đồng ý giao các con chung cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên tại phiên tòa bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu V đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu V số tiền 2.000.000 đồng/tháng bắt đầu từ tháng 7/2026; bà đồng ý giao cháu H1 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà có nguyện vọng chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, tuy nhiên bà xác định do mình có thu nhập thấp và làm Công ty không thể xin nghỉ nên bà không làm đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung vợ chồng. Bà đề nghị ông H phải có trách nhiệm nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung và nộp các chi phí có liên quan.

Về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn giải quyết vụ án đã đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân H được ly hôn với bà Nguyễn Thị P;

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông H và bà P có 02 con chung tên Nguyễn Tiến H1, sinh ngày 29/8/2010 và Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 05/5/2022. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, giao cháu H1 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà P không phải cấp dưỡng nuôi con; giao cháu V cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông H cấp dưỡng nuôi cháu V số tiền 2.000.000 đồng/tháng bắt đầu từ tháng 7/2026 cho đến khi cháu V trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1].Về tố tụng:

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, xác định quan hệ pháp luật vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", bà Nguyễn Thị Phương cư T tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (nay là xã V, tỉnh Nghệ An) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 24/2010, quyển số 01/2010 ngày 24/02/2010, nên quan hệ hôn nhân của ông bà được xác định là hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo các chứng cứ có trong hồ sơ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H, bà P là có thật và bắt nguồn từ việc cả hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp trong tính tình, không quan tâm, chia sẻ với nhau. Toà án đã tiến hành hoà giải để ông H, bà P hàn gắn tình cảm vợ chồng tuy nhiên ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà P, bà P cũng xác định vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà không còn tình cảm với ông H, tuy nhiên do giữa bà và ông H chưa thỏa thuận được về việc phân chia tài sản chung nên bà không đồng ý thuận tình ly hôn với ông H.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H, bà P và quan điểm của bà P thấy: Cả ông H, bà P đều xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đời sống hôn nhân không hạnh phúc do phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống. Việc bà P cho rằng do vợ chồng chưa thống nhất được về việc phân chia tài sản chung nên không không đồng ý ly hôn là ý kiến của cá nhân bà P, pháp luật không quy định việc ly hôn phải song song với việc phân chia tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông H, bà P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông H đối với bà P.

[2.2]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị P có 02 con chung tên Nguyễn Tiến H1, sinh ngày 29/8/2010 và Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 05/5/2022.

Xét thỏa thuận nuôi con của ông H, bà P thấy: Tại bản tự khai ngày 15/7/2026 của cháu Nguyễn Tiến H1 thể hiện cháu có nguyện vọng được sống chung với ông H1 trường hợp cha mẹ ly hôn. Tại phiên tòa, ông H và bà P thỏa thuận được về việc nuôi dưỡng con chung, cụ thể giao cháu H1 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà P không phải cấp dưỡng nuôi con; giáo cháu V cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông H cấp dưỡng nuôi cháu V số tiền 2.000.000 đồng/tháng bắt đầu từ tháng 7/2026 cho đến khi cháu V trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thỏa thuận của các đương sự phù hợp với nguyện vọng của cháu H1 và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị P đề nghị phân chia tài sản chung vợ chồng, tuy nhiên bà xác định bà không làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, bà cũng không xác định cụ thể tài sản chung của vợ chồng hiện tại gồm những tài sản gì. Mặt khác bà yêu cầu ông H phải làm đơn và có trách nhiệm nộp các chi phí có liên quan để giải quyết tài sản chung. Tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa, ông H xác định không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung vợ chồng và không nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét, giải quyết.

Trường hợp các bên có tranh chấp liên quan đến tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân thì dành quyền khởi kiện cho ông H, bà P trong một vụ án khác khi có yêu cầu.

[2.4]. Về nợ chung: Ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H đối với bà Nguyễn Thị P về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân H được ly hôn với bà Nguyễn Thị P.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị P có 02 con chung tên Nguyễn Tiến H1, sinh ngày 29/8/2010 và Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 05/5/2022.

Căn cứ sự thỏa thuận của các đương sự và nguyện vọng của cháu Nguyễn Tiến H1, buộc bà Nguyễn Thị P giao cháu Nguyễn Tiến H1 cho ông Nguyễn Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà Nguyễn Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con; Buộc ông Nguyễn Xuân H giáo cháu Nguyễn Hoàng V cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông Nguyễn Xuân H cấp dưỡng nuôi cháu V số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng bắt đầu từ tháng 7/2026 cho đến khi cháu V trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

1.3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm án án phí số 28693 ngày 08/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thành tiền án phí. Ông H phải tiếp tục nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử

phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 12 – TP. HCM;
- THA Dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Văn Kiều, tỉnh Nghệ An (ĐKKH số 24 ngày 24/02/2010);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thu Hiền